| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>**----------** | **CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**_____** |

Bản án số: 34/2025/KDTM-ST
Ngày: 18 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng cung ứng và lắp đặt

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hạnh**; bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà **Nguyễn Thị Diệu Linh** – Thư ký Toà án nhân dân quận Hà Đông

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Tuấn Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 18/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 02/2024/TLST-KDTM, ngày 12/01/2024 về "Tranh chấp Hợp đồng cung ứng và lắp đặt" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐHPT-KDTM ngày 03/9/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn**: Công ty TNHH T1. Mã số doanh nghiệp: 0101130774; đăng ký lần đầu ngày 17/5/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 14/4/2023. Địa chỉ: số D H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là số D H, phường Ô, thành phố Hà Nội). Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh H – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty L; MST: 0110038493. Địa chỉ: Tầng B Tòa nhà T, khi đô thị T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Tầng B Tòa nhà T, khu đô thị T, phường Y, thành phố Hà Nội). Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 - Giám đốc.

Người được pháp nhân ủy quyền cử tham gia tố tụng là: Ông Nguyễn Văn H1 - Luật sư, số thẻ 8124, cấp ngày 06/8/2013; bà Lương Thị Hồng N – Luật sư, số thẻ

20084, cấp ngày 25/9/2023; Trương Lê Ngân G, CCCD số 038199015182, cấp ngày 16/10/2022.

**2. Bị đơn**: Công ty cổ phần T2. Mã số doanh nghiệp: 2300293456. Đăng ký lần đầu ngày 16/11/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/10/2022. Địa chỉ: số H, đường L, phường D, quận H, Hà Nội (nay là phường D, thành phố Hà Nội). Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Lê Xuân V; CCCD số 027078000150, cấp ngày 07/8/2022 (*Văn bản uỷ quyền số 16, ngày 16.08.2023*). Địa chỉ liên hệ: Tầng F Tòa nhà A, phường D, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường D, thành phố Hà Nội). ĐT liên hệ: 0945.873131/ 0977.887.788.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bệnh viện S (tên gọi cũ là Bệnh viện S1). Địa chỉ: Đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ cũ là đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công T – Giám đốc Bệnh viện (đề nghị được giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện nhận ngày 25/12/2023, ý kiến tại bản tự khai, tại phiên hòa giải - đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/10/2016, Công ty TNHH T1 (sau đây gọi là "Công ty T1") và Công ty Cổ phần T2 (sau đây gọi là "Công ty T2") đã ký Hợp đồng kinh tế số 2935/2016/HĐKT (Sau đây gọi là "hợp đồng 2935") về việc công ty T1 sẽ cung cấp và lắp đặt cho công ty T2 (03) thang máy tải khách của H2 tại công trình "Tòa nhà 7 tầng – Bệnh viên sản nhi Bắc Giang"; địa chỉ: Đường L, Phường D, Thành phố B (nay là Bệnh viện S; địa chỉ: Đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh), với tổng giá trị hợp đồng là: **2.965.000.000 VNĐ** (*Hai tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn*).

Thực hiện hợp đồng 2935, công ty T1 đã hoàn thành việc cung cấp (03) ba thang máy tải khách của hãng M (mã hiệu Nexiez-MR) vào ngày 17/01/2017 theo Biên bản xác nhận thiết bị về chân công trình và nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng ngày 05/01/2017 và ngày 17/01/2017.

Theo thỏa thuận tại khoản 6.1 Điều 6 hợp đồng 2935, công ty T2 có trách nhiệm thanh toán cho công ty T1 kinh phí thanh toán Kỳ 2 của hợp đồng như sau: "Thanh toán 65% tổng giá trị hợp đồng kinh tế - không bao gồm giá trị đã tạm ứng kỳ 1 – trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi thiết bị thang máy được chuyển đến chân công trình và Bên B sẽ chuyển cho bên A hồ sơ đề nghị thanh toán". Số tiền cần phải thanh toán Kỳ 2 là: **1.927.250.000 VNĐ** (*Một tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, đến ngày 29/09/2017, công ty T2 mới chỉ thanh toán một phần kinh phí Kỳ 2 cho công ty T1, số tiền là **450.000.000 VNĐ**. Kể

từ thời điểm ngày 29/09/2017 đến nay, công ty T2 vẫn chưa thanh toán thêm cho công ty T1 bất kỳ khoản tiền nào của kinh phí Kỳ 2. Tính đến nay, Công ty T2 vẫn còn nợ công ty T1 một phần số tiền thanh toán Kỳ 2, số tiền là: 1.477.250.000 VND (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) - chưa bao gồm lãi.

Theo quy định tại khoản 2.11 Điều 2 hợp đồng 2935, công ty T2 có trách nhiệm "Tổ chức nghiệm thu, ký biên bản nghiệm thu giai đoạn (nếu có) và nghiệm thu bàn giao kịp thời khi Bên B hoàn tất công việc"; nhưng từ thời điểm đó đến nay, mặc dù đã nhiều lần liên hệ nhưng công ty T2 vẫn chưa có bất kỳ phản hồi gì cho phía công ty T1 về việc phối hợp ký xác nhận các văn bản nghiệm thu để đưa thang máy đi vào sử dụng.

Trên thực tế, hiện nay, công ty T2 đã tự ý cho người vào vận hành và sử dụng thang máy dù cho vẫn chưa nhận được sự đồng ý của công ty T1 và hệ thống thang máy vẫn chưa được công ty T1 và công ty H3 bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định pháp luật. Hành vi này của công ty T2 đã vi phạm Khoản 2.10 Điều 2 hợp đồng 2935 "Trước khi bên A hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thanh toán và các bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng, Bên A không được phép để bất kỳ người nào (ngoài người đại diện của bên B) thực hiện bất cứ công việc gì với thiết bị thang máy mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên B".

Mặc dù công ty T1 đã nhiều lần gửi công văn nhắc nhở nhưng công ty T2 vẫn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ với công ty T1 theo hợp đồng 2935. Như vậy, công ty T2 đã vi phạm Điều 2 - Trách nhiệm của Bên A và Điều 6 - Phương thức thanh toán của hợp đồng 2935, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty T1.

Công ty T1 khởi kiện, yêu cầu:

- Buộc Công ty T2 phải trả cho công ty T1 số tiền nợ gốc đến hạn thanh toán Kỳ 2 theo hợp đồng 2935 là: **1.477.250.000 VNĐ** (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Buộc Công ty T2 phải thanh toán cho công ty T1 số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán của K 02 (thời gian tạm tính đến ngày 30/11/2023) theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP N1 - Chi Nhánh D khách hàng đặc biệt - Thành phố Hà Nội áp dụng với đối tượng cho vay thông thường (mức lãi suất thực tế ngân hàng đang cho Công ty T1 vay) thể hiện tại Mục 1 Thông báo số 901/TB-HAT.KT ngày 01/08/2022 là 7% x 150% (mức lãi suất quá hạn) = 10.5%/năm (căn cứ Điều 6.3 Hợp đồng 2935/2016); số tiền lãi được tính là: [1.477.250.000 VNĐ x (10.5% /365)] x 2495 ngày (từ ngày 25/01/2017 đến ngày 30/11/2023) = 1.060.281.010 VNĐ.

**2. Bị đơn – Công ty T2 do ông Lê Xuân V đại diện ủy quyền trình bày tại phiên hòa giải:** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chưa có ý kiến vì Bị đơn phải thu thập tài liệu để hoàn tất hồ sơ mới có ý kiến được. Đề nghị toà án cho Bị đơn 07 đến 10 ngày để nghiên cứu và hoàn tất hồ sơ. Đề nghị khi cần toà án liên hệ với qua số điện thoại: 0945873131 (của ông Lê Xuân V) và gửi các văn bản tố tụng về địa chỉ Tầng F Tòa nhà A, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bệnh viện S (tên gọi cũ là Bệnh viện S1) có văn bản số 245 ngày 14/8/2025 trình bày như sau:**

Ngày 23/7/2025 Bệnh viện S số 1 nhận được công văn số 37/CV- TA ngày 21/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội, đề nghị Bệnh viện kiểm tra, phúc đáp nội dung: Tại công trình tòa nhà 7 tầng của Bệnh viện có các thang máy sau được lắp và hoạt động không?; 02 (hai) thang máy (P1,P2) tải khách của hãng H2 (mã hiệu Nexiez-MR), tải trọng 750 kg (11 người), tốc độ 90m/ phút, 07 điểm dừng và 01 thang máy (P3) tải khách của hãng H2 (mã hiệu Nexiez-MR), tải trọng 1350 kg (20 ngày), tốc độ 90m/ phút, 04 điểm dừng xuất xứ Thái Lan, thang máy mới 100%, xuất xưởng năm 2016 từ Nhà máy M1 ở Thái Lan.

Rà soát theo đề nghị trên, Bệnh viện S1 có được lắp Thang máy trong đó số lượng Thang máy lắp đặt cho tòa nhà 7 tầng có tên, số lượng, ký hiệu và nước sản xuất tương ứng với tài liệu Q tòa cung cấp có đính kèm công văn được nêu tại hợp đồng 2935/2016/HĐKT, phụ lục đặc tính kỹ thuật ngày 01/8/2014 và Biên bản nghiệm thu thực hiện bởi CTCP Thương mại và sản xuất T2 và Công ty TNHH T1.

Trong 02 công ty nguyên đơn và bị đơn theo thông tin Q tòa cung cấp tại công văn không là một trong các đại diện thực hiện ký kết hợp đồng hay nghiệm thu với Bệnh viện, nên là lý do Bệnh viện S1 xin phép từ chối tham gia tố tụng dân sự và không tham dự phiên tòa.

*** Tại phiên tòa:**

*- Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn trình bày*: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty T2 *phải thanh toán cho công ty T1: số tiền nợ gốc đến hạn thanh toán Kỳ 2 theo hợp đồng 2935 là: 1.477.250.000 VNĐ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán của K 02 thì đến nay công ty T1 không yêu cầu công ty T2 phải trả, công ty T1 xin rút một phần khởi kiện này.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân,

Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn về việc yêu cầu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán 1.477.250.000 đồng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do: Hợp đồng 2935 có hiệu lực thi hành. Công ty T1 đã hoàn thành việc cung cấp cho công ty T2: hai (02) thang máy (P1,P2) tải khách của hãng H2 (mã hiệu Nexiez-MR), tải trọng 750 kg (11 người), tốc độ 90m/ phút, 07 điểm dừng và một (01) thang máy (P3) tải khách của hãng H2 (mã hiệu Nexiez-MR), tải trọng 1350 kg (20 ngày), tốc độ 90m/ phút, 04 điểm dừng xuất xứ Thái Lan, thang máy mới 100%, xuất xưởng năm 2016 từ Nhà máy M1 ở Thái Lan, tại công trình Tòa nhà 7 tầng – Bệnh viện S1 theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng 2935. Công ty T2 mới thanh toán 450.000.000 đồng, còn phải trả cho công ty T1 1.477.250.000 đồng. Đề nghị công ty T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, ý kiến bằng văn bản của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Công ty T1 khởi kiện công ty T2 theo Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp vật tư lắp đặt và lắp đặt hoàn chỉnh thang máy tại công trình; công ty T2 có đăng ký kinh doanh tại quận H cũ, nay là phường D, Thành phố Hà Nội; nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp "hợp đồng cung cấp vật tư lắp đặt và lắp đặt hoàn chỉnh thang máy tại công trình", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đại diện ủy quyền của Bị đơn – ông Lê Xuân V đã được tống đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu của công ty T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty T2 phải trả số tiền theo hợp đồng 2935 ngày 01/10/2016 số tiền nợ gốc đến hạn thanh toán Kỳ 2 theo hợp đồng 2935 là: 1.477.250.000 VNĐ (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), thì thấy,

[2.1] Về hình thức và nội dung của hợp đồng 2935 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, bằng văn bản; không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ đúng quy định của Điều 24, 25 Luật Thương mại 2005, nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng 2935:

[2.2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ Nguyên đơn cung cấp là các chứng từ giao dịch chuyển khoản của công ty T2 cho công ty T1 thì thấy sau khi ký kết hợp đồng 2935, công ty T2 đã thanh toán cho công ty T1 có nội dung: tạm ứng tiền đặt cọc thang máy theo hợp đồng 2935/2016/HDKT/ Thanh toán tiền thang máy theo hợp đồng 2935/2016/HDKT ngày 01/10/2016 (gói 38 S)" với tổng số tiền là 889.500.000 đồng, vào các ngày 07/10/2016 số tiền 296.500.000 đồng; ngày 03/01/2017 số tiền 500.000.000 đồng; ngày 04/01/2017 số tiền 93.000.000 đồng. Số tiền 889.500.000 đồng là tương đương 30% tổng giá trị hợp đồng. Như vậy, công ty T2 đã thanh toán đầy đủ số tiền của K 1 theo đúng như trong thỏa thuận tại Điều 6 hợp đồng 2935.

[2.2.2] Về số tiền phải thanh toán của Kỳ 2 mà Nguyên đơn khởi kiện:

Căn cứ vào văn bản số 245 ngày 14/8/2025 của Bệnh viện S1 (nay là Bệnh viện S số 01), Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Công ty T1 đã hoàn thành việc cung cấp: *hai (02) thang máy (P1,P2) tải khách của hãng H2 (mã hiệu Nexiez-MR), tải trọng 750 kg (11 người), tốc độ 90m/ phút, 07 điểm dừng và một (01) thang máy (P3) tải khách của hãng H2 (mã hiệu Nexiez-MR), tải trọng 1350 kg (20 ngày), tốc độ 90m/ phút, 04 điểm dừng xuất xứ Thái Lan, thang máy mới 100%, xuất xưởng năm 2016 từ Nhà máy M1 ở Thái Lan*, tại công trình Tòa nhà 7 tầng – Bệnh viện S1 theo đúng thỏa thuận tại Điều 1 và khoản 3.2, 3.4 Điều 3 của hợp đồng 2935.

Các thang máy trên được công ty T3 cho công ty T2 vào **ngày 05/01/2017** và ngày **17/01/2017** theo "Biên bản xác nhận thiết bị về chân công trình và nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng".

Về nghĩa vụ thanh toán giai đoạn thiết bị thang máy được chuyển đến chân công trình quy định tại Điều 6 hợp đồng 2935 là:

"Kỳ 2: *Thanh toán 65% tổng giá trị hợp đồng kinh tế - không bao gồm giá trị đã tạm ứng kỳ 1 – **trong vòng 7 (bảy) ngày sau** khi thiết bị thang máy được chuyển đến chân công trình và bên B sẽ chuyển cho bên A hồ sơ đề nghị thanh toán gồm….*

*Kỳ 3: Thanh toán phần còn lại của tổng giá trị hợp đồng….trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên B hoàn tất việc lắp đặt và thanh máy được kiểm định an toàn đồng thời hai bên nghiệm thu hạng mục công trình…..*";

Số tiền của K 2 công ty T2 phải thanh toán cho công ty T1 là **1.927.250.000 VNĐ** (*Một tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tuy nhiên, ngày 29/09/2017, công ty T2 mới thanh toán cho công ty T1 số tiền 450.000.000 VNĐ (chứng từ giao dịch báo có ngày 29/9/2027 của công ty T1 – BL 77), còn thiếu **1.477.250.000 đồng** (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*); như vậy công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên công ty T1 yêu cầu công ty T2 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho số tiền 1.477.250.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 50 Luật Thương mại 2005.

Do công ty T2 không thanh toán đầy đủ cho công ty T1 nên công ty T1 cũng thừa nhận đã không thực hiện việc lắp đặt 03 thang máy nói trên tại công trình Tòa nhà 7 tầng của Bệnh viện S1, nhưng thực tế hiện 03 thang máy đã được lắp đặt và đưa vào sử dụng tại công trình này (theo văn bản số 245 ngày 14/8/2025 của Bệnh viện S số 01 xác nhận). Công ty T1 không yêu cầu công ty T2 phải thanh toán số tiền của kỳ 3 theo Điều 6 của hợp đồng 2935 là đúng.

Về yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán: Tại phiên tòa, Nguyên đơn đã rút phần yêu cầu khởi kiện này, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn về việc yêu cầu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán 1.477.250.000 đồng

[3] .**Về nghĩa vụ chịu án phí:**

- Bị đơn: Công ty T2 phải  chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thâm trên nghĩa vụ thanh toán 1.477.250.000 đồng là (1.477.250.000 – 800.000.000) x 3% + 36.000.000 = 56.318.000 đồng (làm tròn)

- Công ty T1 được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014843 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Hà Nội)

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;147; khoản 2 Điều 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 24, 25, 50, 306 Luật thương mại 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 đối với Công ty cổ phần T2 về khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 đối với Công ty cổ phần T2:

Buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty TNHH T1 số tiền 1.477.250.000 VNĐ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) còn nợ của Hợp đồng kinh tế số 2935/2016/HĐKT ngày 01/10/2016.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí:

2.1. Buộc Công ty cổ phần T2 phải chịu 56.318.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả Công ty TNHH T1 tiền tạm ứng án phí là 41.300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014843 ngày 12/01/2024 tại Chi Cục thi hành án Dân sự quận Hà Đông (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hà Nội).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6 - Hà Nội;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, VT.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CTPT SƠ THẨM**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CTPT SƠ THẨM**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**